
MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU	3
1.1. Lý do chọn đề tài:.....	3
1.2. Mục đích nghiên cứu:.....	7
1.3. Đối tượng nghiên cứu: :.....	8
1.4 Phương pháp nghiên cứu :.....	8
1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu: :.....	8
2.. NỘI DUNG :.....	9
2.1.Cơ sở lý luận của vấn đề: :.....	9
2.2. Thực trạng của vấn đề. :.....	9
2.3.Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề:.....	11
2.4. Kết quả đạt được:.....	17
3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ :.....	18
3.1. Kết luận :.....	18
3.2.Kiến nghị: :.....	18

DANH MỤC KÝ TỰ VIẾT TẮT

THCS: Trung học cơ sở.

THPT: Trung học phổ thông.

GDCD: Giáo dục công dân.

GV: Giáo viên.

SGK: Sách giáo khoa.

HS: Học sinh.

ATGT: An toàn giao thông.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài:

Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nước ta đã thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế của nước ta chưa vững chắc, chất lượng nguồn nhân lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, môi trường văn hoá còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa hội đủ các nhân tố để phát triển nhanh và bền vững.

Cũng trong khoảng thời gian trước và sau khi nước ta tiến hành đổi mới, thế giới chứng kiến những biến đổi sâu sắc về mọi mặt. Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư nối tiếp nhau ra đời, kinh tế tri thức phát triển mạnh đem lại cơ hội phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Mặt khác, những biến đổi về khí hậu, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái và những biến động về chính trị, xã hội cũng đặt ra những thách thức có tính toàn cầu. Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hoá vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) đã thông qua Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Mục tiêu đổi mới được Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh.”

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp học sinh phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, trở thành người học tích cực, tự tin, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh các tri thức và kỹ năng nền tảng, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

Chương trình giáo dục tiểu học giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và

tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Chương trình giáo dục THCS giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Chương trình giáo dục trung học phổ thông giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau:

Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;

Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

*** Đối với môn giáo dục công dân**

Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Giáo dục công dân được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, nhất là các môn khoa học xã hội và Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó Đạo đức (ở cấp tiểu học), Giáo dục công dân (ở cấp trung học cơ sở), Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông) là những môn học cốt lõi.

Nội dung chủ yếu của các môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Các mạch nội dung của các môn học này phát triển xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân, với người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên; được xây dựng trên cơ sở kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và toàn cầu; mở rộng và nâng cao dần từ tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông.

Nội dung giáo dục công dân được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

***Giai đoạn giáo dục cơ bản**

Môn Đạo đức (ở cấp tiểu học) và môn Giáo dục công dân (ở cấp trung học cơ sở) là những môn học bắt buộc. Nội dung các môn học này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng,

nhằm hình thành cho học sinh thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

***Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp**

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông) là môn học lựa chọn, dành cho những học sinh định hướng theo học các ngành nghề Giáo dục chính trị, giáo dục công dân, kinh tế, hành chính và pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của học sinh; gắn kết với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp học sinh có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Là giáo viên giảng dạy môn GDCD, đứng trước yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục tôi luôn cố gắng tìm tòi nhiều phương pháp để giúp các em học tốt bộ môn này và đáp ứng được yêu cầu đổi mới của ngành đề ra. Tôi mạnh dạn trình bày qua sáng kiến ***“phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh ở môn giáo dục công dân bằng cách sử dụng tranh, ảnh sưu tầm”***

1.2. Mục đích nghiên cứu:

Sử dụng tranh, ảnh trong giờ dạy nhằm từng bước hình thành cho học sinh các phẩm chất và năng lực cụ thể:

*** Về phẩm chất:**

Bước đầu hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Có ý thức tự điều chỉnh, tự hoàn thiện bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật dựa trên nhận thức, thái độ và hành vi đúng đắn, tích cực về quyền, bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân trong quan hệ với gia đình, xã hội, với công việc, với môi trường thiên nhiên, với đất nước và nhân loại.

*** Về năng lực:**

Hình thành cho các em các năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Những năng lực đặc thù: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

Từng bước củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở tiểu học; hình thành, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh; thích ứng một cách linh hoạt với xã hội biến đổi và thực hiện mục tiêu, kế hoạch của bản thân trên cơ sở các giá trị đạo đức, quy định của pháp luật; hình thành phương pháp học tập, rèn luyện, hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng để tiếp tục học lên THPT, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

1.3. Đối tượng nghiên cứu:

Học sinh THCS Nguyễn Tất Thành, áp dụng cho khối lớp 6.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Tôi được phân công giảng dạy bộ môn GDCD lớp 6, được tiếp xúc một số bài có yêu cầu cho HS sưu tầm ảnh theo chủ đề, kết quả học sinh sưu tầm khá nhiều ảnh có giá trị từ sách, báo các loại, làm thế nào để học sinh được trực tiếp quan sát những bức ảnh, được cùng làm việc với các bạn trao đổi giữa các nhóm học sinh học tập. Vì vậy trong quá trình dạy và học môn GDCD, giáo viên và học sinh sưu tầm ảnh vừa là nhiệm vụ theo yêu cầu luyện tập của phương pháp dạy học. Đồng thời ảnh phải được phát huy hiệu quả với nhiều chức năng khác, và phát huy được phẩm chất, năng lực của học sinh, nếu ta khai thác hết công dụng của ảnh theo chủ đề GDCD.

1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu:

Học sinh khối lớp 6 (6A1, 6A2) năm học 2018-2019.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận của vấn đề:

Việc nhằm chán học tập bộ môn, không ham thích học tập bộ môn một phần là do người dạy chưa đầu tư đúng mức. Giảng dạy môn Giáo dục công dân (GDCD) giáo viên vẫn còn một số ít người coi thường, chất lượng giờ giảng chủ yếu dừng lại ở những hoạt động đơn điệu khai thác nội dung truyện, tìm hiểu nội dung bài học, luyện tập giải các bài tập có trong Sách giáo khoa (SGK). Chất lượng hiệu quả môn học này người dạy ít quan tâm. Học sinh sa sút về đạo đức, người dạy GDCD chủ yếu cho là do tác động môi trường xã hội và gia đình thiếu giáo dục, học sinh hư hỏng do cơ chế thị trường, do xã hội tác động nên các em bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội, tụ điểm tội phạm ... Cho nên điều quan trọng làm sao giúp các em một phần nào ý thức trong việc học tập, tiếp thu những nội dung trong bộ môn, giúp những học sinh chưa ngoan rèn luyện qua từng tiết học. Đặc điểm môn GDCD là môn học các chuẩn mực đạo đức cũng như pháp luật, kĩ năng thực hành, rèn luyện hành vi đều gắn chặt với hoạt động của con người, những sự kiện và chất liệu cuộc sống hiện tại đang diễn ra hàng ngày, xung quanh các em. Những sự kiện, hình ảnh đó được các nhà báo, nhà giáo dục ghi lại chụp lại hình ảnh và được đăng tải qua báo chí, sách giáo khoa, sách tham khảo, hoặc các cuộc triển lãm các tờ rơi phục vụ công tác tuyên truyền về các vấn đề xã hội, giao thông. Một nguồn ảnh hết sức phong phú phản ánh thực trạng quan hệ giữa con người với con người và giữa con người với các thể chế xã hội có sẵn trong từng gia đình, nhà trường, đây là nguồn tranh, ảnh có giá trị để người dạy GDCD giáo dục đạo đức, pháp luật rất bổ ích phần nào đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Con đường dạy học đi từ “trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng” đã được các nhà tâm lí giáo dục học xác định. Từ những hình ảnh cho học

sinh tiếp cận quan sát để từ đó rút ra kết luận một phẩm chất năng lực, một chủ đề pháp luật cần biết cần ghi nhớ.

2.2. Thực trạng của vấn đề.

*** Thuận lợi.**

Nhà trường luôn tạo điều kiện giúp đỡ chuyên môn về máy móc, sách, thiết bị dạy học, phân công đúng chuyên môn đào tạo.

Giáo viên được giảng dạy với các khối lớp, đúng chuyên môn đáp ứng đủ yêu cầu cung cấp kiến thức cho học sinh.

Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, sưu tầm tài liệu thuận tiện từ thư viện, giúp đỡ tận tình của các giáo viên.

*** Khó khăn.**

Với dung lượng SGK chỉ ghi được, đăng tải được quá ít chỉ một ảnh (Sách GDCD lớp 6) hoặc vài ba ảnh (Sách GDCD lớp 7), có bài không có ảnh nào, một hạn chế khác ảnh trong SGK in trắng đen không có màu, lại còn mờ không rõ nét, không thể tạo sự hấp dẫn chú ý học sinh trong việc đọc sách. Trong khi nguồn tranh GDCD phục vụ cho dạy học môn GDCD rất ít, chỉ có bộ tranh GDCD lớp 6 do Công ty thiết bị GD cấp thì không đủ cho các bài, hoặc lớp 7 chỉ có 2 tranh thì không thể đáp ứng đủ cho việc dạy trên lớp.

*** Thành công:**

Tạo hứng thú cho học sinh học, sưu tầm tranh ảnh từ sách báo cũ, ham mê bộ môn GDCD, kênh hình học phong phú hơn.

* Hạn chế: Từ số lượng có được khi học sinh sưu tầm và các nhóm học sinh quan sát làm việc còn ít, một số học sinh chưa nhiệt tình trong công tác thu gom.

*** Mặt mạnh:**

Thu gom nhiều tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học GDCD trong những sách báo cũ của nhà trường. Tăng thêm nguồn tư liệu hình ảnh phong phú.

*** Mặt yếu:**

Thời gian thu gom còn hạn chế, chưa mở rộng chủ đề sưu tầm tranh ảnh.

* Các nguyên nhân, các yếu tố tác động.

Khi dạy bài 7 lớp 6: **Yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.** SGK chỉ đăng tải chỉ duy nhất một ảnh về cảnh mây, núi Tam Đảo lại in đen trắng rất mờ trong cảnh mây núi, không đủ sức thu hút sự chú ý tò mò của HS để khai thác cảnh đẹp ở Tam Đảo, giáo viên khi cho HS khai thác truyện đọc và quan sát ảnh này gặp không ít khó khăn. Từ đó, tôi đã suy nghĩ làm thế nào để ảnh đến được học sinh, ảnh đóng vai trò như phương tiện cung cấp kiến thức và giáo dục hành vi. Ảnh phải là phương tiện dạy học thay cho ngôn ngữ dùng lời có hình ảnh, ảnh phải là phương tiện dùng kết hợp hỗ trợ cho lời giảng cho sự miêu tả các hoạt động con người, trẻ em để kích thích tư duy học sinh. Cho học sinh sưu tầm khi chuẩn bị dạy các bài GDCC.

2.3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề.

* **Mục tiêu của giải pháp, biện pháp.**

Qua tiết học trên lớp khi sử dụng tranh ảnh trực quan, ví dụ (VD): Quan sát các bức ảnh sau em hãy cho biết nói về chủ đề gì hoặc mô tả hoạt động gì. Sau khi học sinh trao đổi làm việc tiếp cận với ảnh và trình bày kết quả ý kiến của nhóm mình (học sinh có thể nói đúng hay chưa đúng) Giáo viên (GV) qua đó giáo dục học sinh những vấn đề nên và không nên trong tranh đó.

* **Biện pháp để học sinh tư duy tốt hơn.**

- Học sinh tư duy trừu tượng qua kênh hình.
- Tạo hứng thú học tập của bộ môn
- Phân biệt nội dung bài học qua tranh ảnh phù hợp.

* **Phương pháp tổng quan.**

Để những bài dạy trên lớp phong phú về nội dung, hình ảnh tôi đã cho các lớp thực hiện những qui trình sưu tầm tranh ảnh bổ sung bài dạy.

2.4. Dạy bài 2 lớp 6: Siêng năng kiên trì: Sau khi kiểm tra bài trước .Cho học sinh (HS) quan sát các bức ảnh: quét dọn vệ sinh khuôn viên nhà trường,



GV định hướng bằng câu hỏi: quan sát các bức ảnh trên em cho biết các ảnh phản ánh các hoạt động gì của các bạn học sinh. học sinh trả lời dễ dàng. Sau đó GV giảng thêm quét dọn vệ sinh nơi ở, nơi học là nhằm để làm gì? (bảo vệ sức khỏe, làm sạch trường lớp...). Làm vệ sinh mà không thường xuyên, nay làm mai không làm thì có thể có môi trường sạch được không? mà phải làm thế nào? (thường xuyên). Biểu hiện thường xuyên lao động, thường xuyên làm việc là biểu hiện của phẩm chất gì? nếu làm mà gặp khó khăn rồi bỏ qua không chịu khó thì cũng không thể thành công được. Tất cả những hành vi đó là biểu hiện của tính siêng năng, kiên trì. Vậy Siêng năng kiên trì là gì các em có biết được không, GV vào bài (ghi đề bài)

Thao tác giới thiệu ảnh như trên GV có thể cho học sinh nắm được biểu hiện của phẩm chất đạo đức cần biết đồng thời GV đã định hướng được những việc em nên làm hàng ngày là biểu hiện tốt của một HS trong nhà trường, một thành viên trong gia đình.

VD1: Qua ảnh có nội dung đi học về, Nam lễ phép chào ông bà, cha mẹ, học sinh chào giáo viên hằng ngày. học sinh dễ dàng nhận thấy ngay một phẩm chất đạo đức cần học tập đó là lễ phép (dạy bài 4: Lễ độ – Lớp 6), biểu



hiện một hành vi, một thói quen có đạo đức.



GV rất dễ đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để khai thác chủ đề bằng cách đặt các câu hỏi khai thác nội dung bức ảnh, tìm những hoạt động, biểu hiện của tính lễ độ, tính lịch sự tế nhị giống như các ảnh mà các em vừa được xem ...

“Cha mẹ sinh con trời sinh tính”, “trời” ở đây là yếu tố môi trường trong đó có môi trường giáo dục. Trẻ em nhất là lứa tuổi 11-14 rất hiếu động và hết sức nhạy cảm trước những hình ảnh đẹp, mới lạ, để chiêm ngưỡng, nhất là những tranh ảnh, chân dung chưa được nhìn thấy hoặc đã nhìn thấy mà cá nhân chưa hiểu hết ý nghĩa nội dung của từng bức ảnh.

Cùng với phương pháp dùng lời, phương pháp trực quan giúp học sinh tìm tòi, phát hiện kiến thức chính là phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động chiếm lĩnh kiến thức là hết sức cần thiết. Tức là GV kết hợp cả hai yếu tố giảng cùng với tìm hiểu nội dung ảnh trên cơ sở câu hỏi định hướng, đặt vấn đề cho các em cùng động não suy nghĩ trong cách học lấy học sinh làm trung tâm.

VD: Quan sát ảnh hai em bé dắt nhau qua đường tại điểm đường giao nhau. GV đưa HS vào tình huống: Em suy nghĩ gì về bức ảnh trên? HS có thể phát biểu theo nhiều phương án khác nhau như: đi đúng luật, biết giúp đỡ bạn, đi đúng phần đường dành riêng cho người đi bộ,GV tiếp tục cho HS suy nghĩ tiếp: đó là chuyện trong ảnh, còn bây giờ các em thử cho gv biết các

em đi trên đường đã làm tốt việc chấp hành luật lệ giao thông chưa? Qua đó giáo viên dễ dàng giới thiệu nội dung bài “Thực hiện trật tự an toàn giao thông (ATGT)”.

Với học sinh tuổi trung học cơ sở (THCS) việc tiếp cận hình ảnh nhận dạng ảnh không chỉ qua cảm tính bằng màu sắc mà còn có đủ khả năng phân biệt đẹp về nội dung, thấy được cử chỉ cao đẹp qua các hoạt động ghi lại qua ảnh, nhận thức được đâu là hành vi đúng, sai khi lựa chọn hành vi trước khi các em hành động hoặc tham gia công việc xã hội.

Trở lại VD trên, khi quan sát ảnh: HS dắt cụ già qua đường và đi trong phần đường qui định tại đường giao nhau, HS cảm nhận được vì sao phải tuân theo qui tắc đi đường khi tham gia giao thông, để tự mình rút ra điều cần biết khi tham gia giao thông chúng ta phải làm gì sau khi học bài:



Thực hiện trật tự an toàn giao thông – lớp 6 (HKII).

VD: Quan sát ảnh: một cảnh tan trường của hình trên, cho học sinh liên hệ trường em giờ tan trường có như vậy không? học sinh nêu bằng suy nghĩ cá nhân, lớp tham gia, sau đó GV chốt nhấn



manh và kết hợp giáo dục hành vi làm theo ảnh, tốt hơn thì phát huy, duy trì, hoặc chưa tốt thì cần làm gì để không như trường bạn trong ảnh .

Thay bằng giao chủ đề thảo luận bằng câu hỏi gợi cho học sinh nêu những biểu hiện đúng sai việc làm hàng ngày, nhiều học sinh rất e ngại nói ra những việc làm bình thường hoặc giấu đi những việc làm mà các em cho là thấp hèn, sợ bạn cùng lớp chê cười (chẳng hạn các em ít nói được việc làm hàng ngày các em giúp đỡ bố mẹ như nấu cơm, quét dọn nhà cửa Việc giao ảnh hành vi tốt hoặc không tốt, xen kẽ ảnh có hành vi, biểu hiện tốt và không tốt. Cho học sinh nhận biết và củng cố bằng câu hỏi kiểm chứng nhận thức bằng cách GV đặt câu hỏi: Vì sao em không chọn ảnh này mà chọn ảnh kia?

VD: Cho học sinh nhận biết các ảnh có chủ đề nhóm quyền sống còn với ảnh có chủ đề nhóm quyền tham gia hoặc nhóm quyền phát triển. Học sinh rất dễ nhận biết các quyền. GV cần dùng câu hỏi để kiểm tra năng lực tự khẳng định mình trước tập thể về nhận thức qua bài học.

Qua các ảnh học sinh so sánh ý nghĩa của những bức ảnh.

VD: ảnh trẻ em có quyền vui chơi.



VD: ảnh em bé bị ngược đãi, đánh đập



Xen kẽ hai ảnh trên cho học sinh dễ dàng nhận biết đâu là bức ảnh đúng, đâu là hành vi sai, những hình ảnh mang tính chất khái quát những quyền của trẻ em khi học sinh sưu tầm được để dạy trong Bài 13 “Công ước LHQ về quyền trẻ em” lớp 6.

Bác Hồ đã dạy: “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn.

Phần nhiều do giáo dục mà nên”.

Việc dạy đạo đức cho HS không phải một sớm một chiều mà thành công mà trải qua một quá trình lâu dài, với tinh thần bền bỉ, kiên trì, thông qua những câu chuyện đạo đức, những tình huống, sự kiện. Những tranh ảnh hết sức cụ thể là cơ sở để góp phần tác động đến hình thành nhân sinh quan, thế giới quan cho HS. Từ hình ảnh có thật hàng ngày đang diễn ra đó đây mà HS chưa được nghe, chưa được thấy thì cung cấp hình ảnh cho HS trong giờ học là khâu quan trọng trong việc góp phần giáo dục hành vi đạo đức cho các em .

*** Điều kiện thực hiện giải pháp, biện pháp**

Bên cạnh người GV lên lớp sưu tầm, cho học sinh sưu tầm qua các SGK không còn giá trị, ở lớp tiểu học, truyện tranh,...mà GV giao cho HS chuẩn bị học tập ở tiết học trước, giáo viên tải trên mạng những hình ảnh có tính giáo dục cao trình chiếu trong quá trình dạy.

Hình ảnh là một công cụ, một phương tiện dạy học hết sức cần thiết cùng với tranh minh họa. Giới thiệu chủ đề bài học thay thế cho tranh cung cấp chưa đủ hiện nay

*** Mối quan hệ giữa giải pháp, biện pháp**

Có mối quan hệ rõ ràng giữa nội dung và hình ảnh giúp học sinh phân biệt, nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu ở hoạt động khai thác bài học hoặc luyện tập, củng cố.

Kết quả, giá trị khoa học vấn đề nghiên cứu

Từ suy nghĩ trên, hình thành bộ sưu tập ảnh, phục vụ cho các bài dạy GDCD các khối lớp là sáng kiến qua thử nghiệm gần 2 năm tại trường đem lại hiệu quả, tính đến hết năm học 2018-2019, bộ sưu tập ảnh của

giáo viên và học sinh, giúp học sinh thấy tầm quan trọng trong khai thác tư duy qua tranh ảnh, cảm nhận điều tốt, xấu từ đó điều chỉnh hành vi cá nhân cho phù hợp. Học sinh luôn có hứng thú quan sát, nhận xét từ các nhóm. Có sự chuẩn bị trước từng tiết học của giáo viên.

2.4. Kết quả đạt được

Lớp 6a1, 6a2 Sau quá trình thực hiện tôi nhận thấy các em từng bước yêu thích học tập môn GDCD hơn, qua các hoạt động do đội phát động các em luôn hào hứng tham gia, qua quan sát và đánh giá qua các bài kiểm tra các em có nhiều tiến bộ, nhiều em khi được xem qua các bức ảnh có những hình ảnh ngược đãi người khác hay các bạn học sinh chưa làm đúng bổn phận của mình các em phản ứng chính kiến yêu ghét, lên án, bày tỏ cảm xúc rõ ràng. Với những bài dạy theo phương pháp trên năm học 2018 - 2019 kết quả học tập môn GDCD của các em có sự tiến bộ cụ thể như sau:

* Số liệu trước khi vận dụng sáng kiến

Lớp	Số số	Kỳ I				
		Giỏi	khá	Trung bình	Yếu	kém
6a1	39	20	5	14		
Tỉ lệ%		51%	13%	36%		
6a2	42	16	5	21		
Tỉ lệ%		38%	12%	51%		

* Số liệu sau khi vận dụng sáng kiến

Lớp	Số số	Kỳ II				
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
6a1	39	30	9			
Tỉ lệ%		77%	23%			
6a2	42	26	11	11		
Tỉ lệ%		62%	24%	24%		

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Qua những nội dung Tôi cố gắng mạnh dạn trình bày, trong từng tiết học giáo viên cần chú tâm hơn, giúp học sinh khai thác triệt để những tranh, ảnh đưa ra phù hợp với nội dung từng bài. Khi đưa ra những tranh, ảnh cần xem xét và thấy được mặt giáo dục tác động tốt đến học sinh, và sự cảm nhận của học sinh qua tiết học. Thể hiện rõ nội dung đạo đức hay pháp luật trong bộ môn GDCD. Học sinh liên hệ bản thân tốt qua từng tiết học và đưa ra phương hướng rèn luyện cho bản thân.

3.2. Kiến nghị:

Bộ sưu tập tranh, ảnh được đưa vào sử dụng do học sinh sưu tầm cùng giáo viên, nhiều bài dạy còn ít ảnh, chưa thể phục vụ tốt các chủ đề và cho nhiều GV cùng dạy. Do đó Tôi mong muốn trong thời gian tới nhà trường nên có kế hoạch tìm mọi nguồn vốn để trang bị cho mỗi lớp học một màn hình Tivi. Để trong quá trình giảng dạy GV sử dụng trình chiếu các tư liệu lấy từ các trang thông tin chính thống, làm đồ dùng dạy học thay cho việc sưu tầm tranh, ảnh mà tôi đang làm. Nếu làm được điều này tôi tin tưởng rằng trong thời gian tới chất lượng môn GDCD do tôi giảng dạy và nhiều môn học khác sẽ thực hiện tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục mà BGD đã đề ra.

Trên đây là ý tưởng được thử nghiệm có hiệu quả trên giờ lên lớp xin được coi là sáng kiến xin được trình bày. Trong thời gian thử nghiệm chưa nhiều và kinh nghiệm viết sáng kiến còn hạn chế, nên trong khi trình bày sáng kiến này, chắc chắn không tránh khỏi những sai sót.

Tôi chân thành cảm ơn, và mong muốn được lắng nghe các ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo đang quan tâm bộ môn này!

Nam Dong, ngày 22 tháng 2 năm 2021

Xác nhận của đơn vị
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

tác giả

Thẩm Hữu Biên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Tài liệu chương trình bồi dưỡng và tập huấn giáo viên modul1 theo chương trình đổi mới giáo dục của BGD.
2. Tài liệu trên trang Facebook của liên đội trường THCS Nguyễn Tất Thành.
3. Tài liệu bài thơ Cô giáo lớp em của nhà thơ Nguyễn Xuân Sang.
4. Tranh, ảnh sưu tầm trên trang <https://www.24h.com.vn>.
5. Luật Giáo dục (2005)
6. Một số tư liệu tham khảo trên trang web của Bộ giáo dục: www.edu.net.vn
7. Sách giáo khoa & sách giáo viên môn GDCD lớp 6– Nhà xuất bản Giáo dục.
8. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn GDCD– Bộ GD-ĐT - Nhà xuất bản Giáo dục.
9. Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GDCD - Nhà xuất bản Giáo dục.